

UBND XÃ THIỆU TRUNG

PHỤ LỤC CẤP KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TÍNH GIẢM BIÊN CHẾ THEO
NGHỊ ĐỊNH SỐ 154/2025/NĐ-CP NGÀY 15/6/2025 CỦA CHÍNH PHỦ (ĐỐI VỚI NGƯỜI
HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở CẤP XÃ)

ĐVT: Đồng

TT	Họ và tên	Giới tính	Tháng, năm sinh	Chức vụ/Chức danh	Tổng số tiền trợ cấp được hưởng (đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7
I	Dưới 5 năm công tác					
1	Tô Thị Hà Giang	Nữ	24/02/1995	Phó Bí thư Đoàn	36,328,000	
2	Lê Thị Phương	Nữ	25/5/1994	Phó Bí thư Đoàn	79,712,000	
3	Trần Văn Huỳnh	Nam	19/9/1986	Phó chỉ huy trưởng quân sự	108,529,000	
4	Đỗ Thị Hường	Nữ	09/9/1988	PCT Hội LHPN	108,143,000	
5	Phạm Thị Trang	Nữ	10/8/2000	Phó Bí thư Đoàn	21,270,000	
6	Nguyễn Thị Nga	Nữ	10/10/1993	Phó Bí thư Đoàn	14,636,000	
7	Lê Văn Chinh	Nam	12/5/1969	PCT Hội CCB	93,085,000	
8	Đỗ Thị Huyền	Nữ	20/11/1989	Khuyến nông viên	71,955,000	
9	Trịnh Thị Xuân Hương	Nữ	06/4/1992	PCT Hội LHPN	74,763,000	
10	Trương Trọng Hoàng	Nam	10/02/1968	PCT Hội nông dân	104,773,000	
Tổng I					713,194,000	
II	Đủ 05 năm công tác trở lên và có tuổi đời còn từ đủ 05 năm trở lên đến tuổi nghỉ hưu					
1	Phạm Đình Tuấn	Nam	09/8/1983	Phó CH Quân sự	181,116,000	
2	Lê Thị Hà	Nữ	13/7/1983	Phó CT Phụ nữ	124,780,000	
3	Nguyễn Thị Oanh	Nữ	26/6/1973	PCT Hội Nông dân	151,632,000	

TT	Họ và tên	Giới tính	Tháng, năm sinh	Chức vụ/Chức danh	Tổng số tiền trợ cấp được hưởng (đồng)	Ghi chú
4	Nghiêm Thị Lý	Nữ	06/3/1988	PCT MTTQ kiêm PCN UBKT	129,519,000	
5	Nguyễn Thị Hoà	Nữ	30/7/1984	Thủ quỹ, Văn thư - Lưu trữ	153,211,000	
6	Hà Sỹ Cường	Nam	06/7/1987	Nhân viên Thú y	136,890,000	
7	Vũ Đình Ngôn	Nam	10/6/1979	Thông tin - Truyền thông	169,006,000	
8	Lê Khắc Tuấn	Nam	04/01/1978	Khuyến nông viên	164,970,000	
9	Nguyễn Hữu Hiến	Nam	29/8/1980	PCT Hội Nông dân	138,996,000	
10	Lê Văn Năm	Nam	05/8/1987	Phó chỉ huy trưởng BCHQS	181,116,000	
11	Lê Thị Thuý	Nữ	16/10/1985	Văn thư- lưu trữ - Thủ quỹ	134,257,000	
12	Trần Thị Tuyết	Nữ	17/6/1987	PCN UBKT Đảng uỷ	150,052,000	
13	Nguyễn Thị Hồng	Nữ	19/5/1988	PCT Ủy ban MTTTQ	157,950,000	
14	Nguyễn Ngọc Thêm	Nam	01/9/1982	Phó chủ nhiệm UBKT	168,480,000	
Tổng II					2,141,975,000	
III	Đủ từ 05 năm công tác trở lên và có tuổi đời còn dưới 05 năm đến tuổi nghỉ hưu					
1	Lê Đình Tính	Nam	10/02/1966	Đài truyền thanh, (Văn hoá - xã hội - thông tin - truyền thông)	86,767,000	
2	Nguyễn Văn Hanh	Nam	10/10/1966	PCT Hội Nông dân	116,356,000	
Tổng III					203,123,000	
IV	Đã đủ tuổi nghỉ hưu và hoặc đang hưởng chế độ hưu trí					

TT	Họ và tên	Giới tính	Tháng, năm sinh	Chức vụ/Chức danh	Tổng số tiền trợ cấp được hưởng (đồng)	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Quế	Nữ	29/10/1963	Khuyến nông viên	35,100,000	
2	Lê Đình Thắng	Nam	24/4/1960	PCT Hội CCB	31,590,000	
3	Lê Thị Thu	Nữ	14/10/1962	Nhân viên Thú y	35,100,000	
4	Đoàn Văn Đông	Nam	26/4/1960	PCT Hội CCB	35,100,000	
Tổng IV					136,890,000	
Tổng (I+II+III+IV)					3,195,182,000	

Số tiền bằng chữ: Ba tỷ một trăm chín mươi lăm triệu một trăm tám mươi hai nghìn đồng chẵn
(Danh sách này có 30 người)